

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết (Đợt 08)
Dự án: Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và
khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân,
xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước
Địa điểm xây dựng: Xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 01/7/2014;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết về thực hiện Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 88/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành sửa đổi, bổ sung Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 14/5/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mả trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh Quy định hạn mức đất ở trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND tỉnh về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 3653/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể để lập Phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng (GPMB) dự án Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước;

Theo Văn bản số 13/UBND-ĐC ngày 18/01/2023 của UBND xã Phước Thuận về việc xác nhận nguồn gốc đất để thực hiện Bồi thường, GPMB, hỗ trợ và tái định cư dự án Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng Khu tái định cư Quảng Vân và Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân tại Tờ trình số 21/TTr-HĐBTGPMB ngày 06/7/2023 (kèm theo Phương án Bồi thường hỗ trợ chi tiết Đợt 8).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết (Đợt 08) để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước với các nội dung như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ, chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): **19.605.041.000 đồng** (Bằng chữ: Mười chín tỷ, sáu trăm lẻ năm triệu, không trăm bốn mươi một ngàn đồng), trong đó:

a) Giá trị bồi thường, hỗ trợ là: 19.220.628.000 đồng;

b) Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 384.413.000 đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này)

2. Nguồn vốn chi trả: Ngân sách tỉnh.

3. Nội dung chi tiết: Theo phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết (Đợt 08) kèm theo Tờ trình số 21/TTr-HĐBTGPMB ngày 06/7/2023 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng Khu tái định cư Quảng Vân và Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước.

Điều 2. Giao Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCTTT Ng. Tuấn Thanh;
- Lưu: VT, K10, K16.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC 01: BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ (ĐỢT 08)

ĐỰ ÁN: XÂY DỰNG KÈ VÀ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG KHU TÁI ĐỊNH CƯ VÀ KHU DÂN CƯ THUỘC KHU ĐÔ THỊ VÀ DU LỊCH SINH THÁI DIÊM VÂN

XÃ PHƯỚC THUẬN, HUYỆN TUY PHƯỚC

Địa điểm xây dựng: xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / 7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	HỌ, TÊN CHỦ HỌ	Bồi thường về đất ở	Bồi thường về đất vườn cùng thửa đất ở	Bồi thường về nhà cửa	Bồi thường về vật kiến trúc	Bồi thường về cây trồng	Bồi thường, hỗ trợ về mã	Bồi thường di chuyển tài sản	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Hỗ trợ khác	Hỗ trợ tiền thuê nhà ở	Hỗ trợ trong thời gian XD nhà	Thưởng đẩy nhanh tiến độ	Tổng cộng	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Đức	1.433.600.000		1.433.676.000	122.658.000	4.399.000		5.000.000			12.000.000	9.000.000	6.000.000	3.026.333.000	
2	Mai Xuân Nam	2.415.200.000	18.315.000	1.050.568.000	110.204.000	4.222.000		3.000.000	36.630.000	220.000.000	12.000.000	9.000.000	5.000.000	3.884.139.000	
3	Trần Ngọc Vinh (chết); Vợ: Phạm Thị Lan	885.200.000		336.788.000	16.626.000	1.433.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.269.047.000	
4	Trần Văn Mùa; vợ: Trần Thị Thúy Hằng	415.584.000		260.785.000	1.672.000	-		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	707.041.000	
5	Nguyễn Văn Sáu; Vợ: Nguyễn Thị Nhuộm	842.800.000		406.707.000	49.799.000	3.720.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.332.026.000	
6	Trịnh Thị Năm (chết); Con: Nguyễn Thị Bảy	290.160.000		93.462.000	15.266.000	3.046.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	430.934.000	
7	Nguyễn Minh Luân; Vợ: Tô Thị Kim Vui	159.900.000		211.886.000	5.864.000	-		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	406.650.000	
8	Hồ Quang Dương; Vợ: Phan Thị Hương	816.000.000		552.120.000	73.548.000	4.619.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.475.287.000	
9	Trần Văn Phùng (chết); vợ: Võ Thị Hoa	960.000.000		642.511.000	77.285.000	2.192.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.710.988.000	
10	Trần Văn Nam; Vợ: Lê Thị Bang	195.000.000		120.323.000	33.545.000	-		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	377.868.000	
11	Nguyễn Thị Trơ (chết); con: Mai Văn Dư; Vợ: Trương Thị Mến	1.088.000.000		535.279.000	70.656.000	4.706.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.727.641.000	
12	Phan Văn Ba; Vợ: Dương Thị Ngọc	1.040.000.000		649.645.000	116.899.000	11.391.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.846.935.000	
13	Võ Hữu Danh; Vợ: Ngô Thị Diệu	580.320.000		217.213.000	27.819.000	4.124.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	858.476.000	

TT	HỌ, TÊN CHỦ HỘ	Bồi thường về đất ở	Bồi thường về đất vườn cùng thửa đất ở	Bồi thường về nhà cửa	Bồi thường về vật kiến trúc	Bồi thường về cây trồng	Bồi thường, hỗ trợ về má	Bồi thường di chuyển tài sản	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Hỗ trợ khác	Hỗ trợ tiền thuê nhà ở	Hỗ trợ trong thời gian XD nhà	Thưởng đẩy nhanh tiến độ	Tổng cộng	Ghi chú
14	Mai Xuân Mùa						16.867.000							16.867.000	
15	Mai Xuân Hiếu						21.518.000							21.518.000	
16	Mai Xuân Thanh (chết); Con Mai Xuân Cường (kê khai)						16.990.000							16.990.000	
17	Mai Xuân Hùng (Cha: Mai Xuân Ánh)						12.907.000							12.907.000	
18	Mai Xuân Thắng						14.043.000							14.043.000	
19	Mai Xuân Thành						11.433.000							11.433.000	
20	Phan Thị Thanh						6.560.000							6.560.000	
21	Phan Văn Minh (chết); Vợ: Nguyễn Thị Mỹ						11.200.000							11.200.000	
22	Phan Văn Sữa						5.600.000							5.600.000	
23	Phan Văn Xê (chết); Vợ: Phạm Thị Đàm						5.600.000							5.600.000	
24	Trần Văn Bốn						42.625.000							42.625.000	
25	Trần Văn Sĩ						1.920.000							1.920.000	
TỔNG CỘNG		11.121.764.000	18.315.000	6.510.963.000	721.841.000	43.852.000	167.263.000	41.000.000	36.630.000	220.000.000	156.000.000	117.000.000	66.000.000	19.220.628.000	
A	TỔNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:													19.220.628.000	
B	CHI PHÍ GPMB (2% A):													384.413.000	
C	TỔNG CỘNG (A+B):													19.605.041.000	

PHỤ LỤC 02
DANH SÁCH CHI TRẢ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHI TIẾT (ĐỢT 08)
Dự án: Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu
đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước
Địa điểm xây dựng: Xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	HỌ, TÊN CHỦ HỘ	ĐỊA CHỈ	THÀNH TIỀN
1	Nguyễn Thị Đức	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	3.026.333.000
2	Mai Xuân Nam	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	3.884.139.000
3	Trần Ngọc Vinh (chết); Vợ: Phạm Thị Lang	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.269.047.000
4	Trần Văn Mùa; Vợ: Trần Thị Thúy Hằng	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	707.041.000
5	Nguyễn Văn Sáu; Vợ: Nguyễn Thị Nhuộm	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.332.026.000
6	Trịnh Thị Năm (chết); Con: Nguyễn Thị Bảy	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	430.934.000
7	Nguyễn Minh Luân; Vợ: Tô Thị Kim Vui	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	406.650.000
8	Hồ Quang Dương; Vợ: Phan Thị Hương	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.475.287.000
9	Trần Văn Phùng (chết); Vợ: Võ Thị Hoa	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.710.988.000
10	Trần Văn Nam; Vợ: Lê Thị Bang	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	377.868.000
11	Nguyễn Thị Trơ (chết); con: Mai Văn Dư; Vợ: Trương Thị Mến	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.727.641.000
12	Phan Văn Ba; Vợ: Dương Thị Ngọc	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.846.935.000
13	Võ Hữu Danh; Vợ: Ngô Thị Diệu	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	858.476.000
14	Mai Xuân Mùa	Quận 10 - TP Hồ Chí Minh	16.867.000
15	Mai Xuân Hiếu	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	21.518.000
16	Mai Xuân Thanh (chết); Con Mai Xuân Cường (kê khai)	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	16.990.000
17	Mai Xuân Hùng (Cha: Mai Xuân Ánh)	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	12.907.000
18	Mai Xuân Thắng	Phường Thị Nại - TP Quy Nhơn	14.043.000
19	Mai Xuân Thành	Phường Lê Lợi - TP Quy Nhơn	11.433.000
20	Phan Thị Thanh	Phường Nhơn Bình - TP Quy Nhơn	6.560.000

TT	HỌ, TÊN CHỦ HỘ	ĐỊA CHỈ	THÀNH TIỀN
21	Phan Văn Minh (chết); Vợ: Nguyễn Thị Mỹ	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	11.200.000
22	Phan Văn Sữa	Thôn Quảng Vân - xã Phước Thuận	5.600.000
23	Phan Văn Xê (chết); Vợ: Phạm Thị Đàm	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	5.600.000
24	Trần Văn Bốn	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	42.625.000
25	Trần Văn Sĩ	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.920.000
TỔNG CỘNG			19.220.628.000